

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 772/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bá Thu Thụ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1171/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thủy T, sinh năm 1985

Thường trú: xã Mỹ T, huyện Giồng T, tỉnh Bến T

Địa chỉ: Nhà không số, kế 26/14 đường A, khu phố B, phường Hiệp Bình P, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Nhà không số, kế 26/14 đường A, khu phố B, phường Hiệp Bình P, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị Thủy T trình bày: Bà và ông Bùi Thanh A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2016 tại Ủy ban nhân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Theo bà cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, ông Anhậu say đánh đập bà từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Ngọc Asinh ngày 14/8/2015. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Atiếp tục nuôi dưỡng, bà sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2020 mặc dù ông Akhông ký biên bản nhưng ông Bùi Thanh A trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà Ttrình bày. Theo ông, cuộc sống chung hạnh phúc bình thường tuy nhiên vợ chồng có lúc vẫn có mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng lo cho con.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Ngọc Asinh ngày 14/8/2015. Trong trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông giao con chung cho bà Ttrực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Phạm Thị Thủy T vẫn giữ yêu cầu ly hôn, về con chung nếu ông Akhông nuôi con thì bà sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Aphải cấp dưỡng nuôi con. Ông Bùi Thanh A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữ các đương sự là “Tranh chấp ly hôn” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị Thủy T và ông Bùi Thanh A tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 25/5/2016 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 18/10/2019 bà Tnộp đơn xin ly hôn với ông A. Trong quá trình hòa giải bà Tkiên quyết xin ly hôn, ông Axác định tình cảm vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, tại phiên Tòa hôm nay mặc dù ông Ađã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Tvà ông Ađã xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2017, đến nay đời sống hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó

tình cảm yêu thương nhau, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Đối với ông Bùi Thanh A Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông Avắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông Akhông có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà Tvà cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Bà Tcho rằng tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Akhông còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, ông bà cũng đã ly thân và nay xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Tvề việc xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà Tvà ông Acũng như giấy khai sinh của người con được bà Tcung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung giữa bà Tvà ông Acó 01 người con chung tên Bùi Ngọc Asinh ngày 14/8/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Tcó đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con, mặt khác tại biên bản hòa giải, ông Adồng ý giao con chung cho bà Ttrực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tđược trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Bùi Ngọc Ái để ổn định môi trường phát triển và học tập. Ghi nhận việc bà Tkhông yêu cầu ông Acấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà Tphải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thủy T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thủy T được ly hôn ông Bùi Thanh A.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Bùi Ngọc Asinh ngày 14/8/2015.

Bà Phạm Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Bùi Ngọc Asinh ngày 14/8/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con bà Ttự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Bà Phạm Thị Thủy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0056064 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Bà T đã nộp đủ án phí. Ông Bùi Thanh A không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

